

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA
SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**

Số 47/CV-CT

V/v Công bố thông tin BCTC
Tổng hợp đã kiểm toán năm
2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
2. Mã chứng khoán: SMB
3. Địa chỉ trụ sở chính: 01 Nguyễn Văn Linh, P. Tân An, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
4. Điện thoại: 02623.877519 Fax: 02623.877455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Tuấn Anh
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021 đã kiểm toán của Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Trung bao gồm: Báo cáo của Ban điều hành, Báo cáo kiểm toán độc lập, BCKTK tại ngày 31/12/2021, BCKQKD năm 2021, BCLCTTGT cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-31/12/2021, TMBCTC cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-31/12/2021.
 - 6.2 Các nội dung giải trình: **Lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã kiểm toán năm 2021 chênh lệch từ 10% trở lên so với cùng kỳ, cụ thể:**

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 tăng 37% so với cùng kỳ 2020 tương ứng tăng **48,63 tỷ đồng** chủ yếu do doanh thu hoạt động tài chính đến từ lợi nhuận của công ty con chuyển về của năm 2020&2021

Báo cáo giải trình này được gửi kèm với Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán để phục vụ việc Công bố thông tin theo quy định.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <https://biasaigonmt.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT



Vũ Tuấn Anh



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

3503000233

4100739909

ngày 26 tháng 9 năm 2008

ngày 29 tháng 4 năm 2021

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100739909 ngày 29 tháng 4 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Huỳnh Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Phước
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Ông Phạm Văn Phong

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Dũng
Ông Trịnh Văn Thảo
Ông Bùi Quang Đáng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Điều hành

Ông Huỳnh Văn Dũng
Ông Võ Thành Điền
Ông Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Kế toán Trưởng

Trụ sở đăng ký

Số 1 Nguyễn Văn Linh
Phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuột
Tỉnh Đắk Lắk
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung **Báo cáo của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.


Thay mặt Ban Điều hành
Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đắk Lắk, ngày 18 tháng 2 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 2 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đạo cáo kiểm toán số: 21-01-00304-22-5



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 2 năm 2022



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		497.068.214.514	320.317.362.731
Tiền	110	6	43.692.875.267	33.104.638.484
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		215.000.000.000	40.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	215.000.000.000	40.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.779.446.381	74.732.575.998
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	31.513.283.598	52.652.582.387
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.643.232.028	21.723.195.705
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	21.985.225.420	2.040.331.888
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.362.496.330)	(2.729.225.086)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		201.665	1.045.691.104
Hàng tồn kho	140	10	176.422.505.236	167.308.151.278
Hàng tồn kho	141		176.984.861.805	167.951.109.804
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(562.356.569)	(642.958.526)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.173.387.630	5.171.996.971
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.169.476.395	5.168.085.736
Thuế phải thu Nhà nước	153		3.911.235	3.911.235

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		452.341.247.220	475.730.279.739
Tài sản cố định	220		372.089.785.208	374.999.860.314
Tài sản cố định hữu hình	221	11	371.453.724.601	374.327.436.071
Nguyên giá	222		1.515.231.226.346	1.451.924.003.819
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.143.777.501.745)	(1.077.596.567.748)
Tài sản cố định vô hình	227	12	636.060.607	672.424.243
Nguyên giá	228		1.479.636.190	1.479.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(843.575.583)	(807.211.947)
Bất động sản đầu tư	230	13	7.186.586.248	7.545.867.292
Nguyên giá	231		9.795.838.071	9.795.838.071
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.609.251.823)	(2.249.970.779)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.854.940.071	655.011.307
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	3.854.940.071	655.011.307
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	24.011.941.821	42.442.601.821
Đầu tư vào công ty con	251		23.036.081.821	23.036.081.821
Đầu tư vào công ty liên kết	252		975.860.000	19.406.520.000
Tài sản dài hạn khác	260		45.197.993.872	50.086.939.005
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	41.377.798.939	46.279.308.036
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.820.194.933	3.807.630.969
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		949.409.461.734	796.047.642.470

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		397.866.426.613	328.744.810.852
Nợ ngắn hạn	310		378.032.394.307	309.431.136.463
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	20.807.763.997	13.865.143.967
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		39.761.484.441	37.254.033.665
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	190.742.619.635	119.623.698.166
Phải trả người lao động	314		22.437.754.758	24.040.825.512
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.985.377.900	1.472.574.493
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	24.545.455
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	17.439.962.788	58.767.084.243
Vay ngắn hạn	320	19	77.000.000.000	47.855.837.646
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	4.857.430.788	6.527.393.316
Nợ dài hạn	330		19.834.032.306	19.313.674.389
Phải trả dài hạn khác	337		1.080.000.000	1.000.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	18.754.032.306	18.313.674.389
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400		551.543.035.121	467.302.831.618
Vốn chủ sở hữu	410	22	551.543.035.121	467.302.831.618
Vốn cổ phần	411	23	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	82.571.601.825	74.810.094.569
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		170.492.718.603	94.014.022.356
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		65.603.614.374	67.599.641.028
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		104.889.104.229	26.414.381.328
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		949.409.461.734	796.047.642.470

Ngày 18 tháng 2 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyễn
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2021

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1.126.172.017.603	1.159.399.599.625
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	22.775.700	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	1.126.149.241.903	1.159.399.599.625
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	872.337.400.500	915.196.518.758
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		253.811.841.403	244.203.080.867
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	52.519.019.855	3.483.761.884
Chi phí tài chính	22		3.137.280.437	3.382.380.168
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.980.848.915	3.382.308.682
Chi phí bán hàng	25	30	28.221.255.817	25.306.403.240
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	63.794.998.941	61.478.473.126
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		211.177.326.063	157.519.586.217
Thu nhập khác	31		5.567.521.793	19.237.329.875
Chi phí khác	32		2.824.506.235	12.952.418.346
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.743.015.558	6.284.911.529
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		213.920.341.621	163.804.497.746
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	34.427.181.356	32.997.816.483
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	33	(12.563.964)	(70.968.065)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		179.505.724.229	130.877.649.328

Ngày 18 tháng 2 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	213.920.341.621	163.804.497.746
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	69.969.420.968	78.924.014.187
Các khoản dự phòng	03	391.703.581	2.236.759.189
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	13.042.223	(2.095.025)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(52.000.483.535)	(3.165.778.737)
Chi phí lãi vay	06	2.980.848.915	3.382.308.682
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	235.274.873.773	245.179.706.042
Biến động các khoản phải thu	09	22.190.088.646	4.289.968.283
Biến động hàng tồn kho	10	(9.033.752.001)	23.917.911.080
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	75.596.041.129	8.088.492.857
Biến động chi phí trả trước	12	3.900.118.438	4.149.049.238
		327.927.369.985	285.625.127.500
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.363.159.582)	(3.482.572.742)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(32.962.367.913)	(39.946.438.542)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	374.160.000	566.210.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(21.948.820.149)	(26.965.295.846)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	270.027.182.341	215.797.030.370
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(53.664.190.788)	(36.359.579.020)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	523.636.364	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(435.000.000.000)	(355.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	260.000.000.000	315.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	26	30.660.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	32.004.085.348	3.481.666.859
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(196.105.809.076)	(72.877.912.161)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	821.906.000.574	693.300.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(774.361.838.220)	(705.553.468.813)
Tiền chi trả cổ tức	36	(110.864.256.613)	(100.434.465.095)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(63.320.094.259)	(112.687.933.908)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	10.601.279.006	30.231.184.301
Tiền đầu năm	60	33.104.638.484	2.871.359.158
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61	(13.042.223)	2.095.025
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 6	43.692.875.267	33.104.638.484

Ngày 18 tháng 2 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở Chính của Công ty nằm ở số 1 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, thành phố Buon Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai chi nhánh trực thuộc tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (“Chi nhánh Quy Nhơn”) và thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (“Chi nhánh Phú Yên”). Hoạt động chính của các chi nhánh của Công ty như sau:

Tên chi nhánh	Hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Quy Nhơn	Sản xuất và kinh doanh bia	Khu Công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
Chi nhánh Phú Yên	Sản xuất và kinh doanh bia và nước tinh khiết	265 Đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Trụ sở chính của Công ty ở Đắk Lắk và tất cả các chi nhánh (sau đây gọi chung là “Công ty”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 442 nhân viên (1/1/2021: 439 nhân viên).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 16 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Ảnh hưởng của Vi rút Corona

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Ban Điều hành Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của sự kiện này. Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam và Ban Điều hành Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021		1/1/2021		Dự phòng	Giá trị hợp lý
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết		
Đầu tư vào:						
Công ty con						
• Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn Công ty liên kết	Không áp dụng	100%	Không áp dụng	100%	23.036.081.821	(*)
• Công ty Cổ phần In - Thương Mại Phú Yên	120.513	20%	-	20%	19.406.520.000	(*)
					<u>24.011.941.821</u>	
					<u>-</u>	
					<u>42.442.601.821</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	19.406.520.000	19.406.520.000
Thu hồi khoản đầu tư thông qua cán trừ với khoản vay ngắn hạn	(18.400.000.000)	-
Thu hồi khoản đầu tư bằng tiền	(30.660.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	975.860.000	19.406.520.000

Trong năm, Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên, công ty liên kết của Công ty, đã giảm thành công vốn cổ phần từ 98.100 triệu VND xuống còn 6.021 triệu VND. Do đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết vẫn giữ là 20% sau khi thu hồi khoản đầu tư.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	25.125.466.294	44.976.587.953
Các khách hàng khác	6.387.817.304	7.675.994.434
	<hr/>	<hr/>
	31.513.283.598	52.652.582.387

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn	1.202.882.582	-
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	25.125.466.294	44.976.587.953
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	182.338.750	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty con và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu về lợi nhuận phân phối từ Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn, công ty con	19.544.876.834	-
Phải thu lãi tiền gửi	871.739.729	12.657.534
Phải thu khác	1.568.608.857	2.027.674.354
	21.985.225.420	2.040.331.888

10. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.250.031.199	-	601.001.000	-
Nguyên vật liệu	81.391.976.448	(562.356.569)	61.868.891.513	(642.958.526)
Công cụ và dụng cụ	54.757.012.970	-	56.770.352.581	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.830.274.357	-	27.829.954.485	-
Thành phẩm	13.720.793.981	-	20.878.976.689	-
Hàng hóa	34.772.850	-	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.933.536	-
	176.984.861.805	(562.356.569)	167.951.109.804	(642.958.526)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	642.958.526	-
Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập trong năm	(80.601.957)	642.958.526
	562.356.569	642.958.526

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	241.895.783.268	1.182.460.210.044	19.545.642.731	6.779.888.942	1.242.478.834	1.451.924.003.819
Tăng trong năm	54.300.000	12.181.026.991	-	84.720.727	-	12.320.047.718
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.834.326.551	52.476.887.755	-	-	-	55.311.214.306
Thanh lý	-	(1.446.000.000)	(37.130.406)	-	-	(1.483.130.406)
Xóa sổ	-	(2.840.909.091)	-	-	-	(2.840.909.091)
Số dư cuối năm	244.784.409.819	1.242.831.215.699	19.508.512.325	6.864.609.669	1.242.478.834	1.515.231.226.346
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	116.548.354.538	942.704.260.956	12.569.713.524	4.923.726.747	850.511.983	1.077.596.567.748
Khấu hao trong năm	12.083.682.572	55.416.144.675	1.440.278.472	587.920.677	45.749.892	69.573.776.288
Thanh lý	-	(514.802.794)	(37.130.406)	-	-	(551.933.200)
Xóa sổ	-	(2.840.909.091)	-	-	-	(2.840.909.091)
Số dư cuối năm	128.632.037.110	994.764.693.746	13.972.861.590	5.511.647.424	896.261.875	1.143.777.501.745
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	125.347.428.730	239.755.949.088	6.975.929.207	1.856.162.195	391.966.851	374.327.436.071
Số dư cuối năm	116.152.372.709	248.066.521.953	5.535.650.735	1.352.962.245	346.216.959	371.453.724.601



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 901.848 triệu VND (1/1/2021: 522.440 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 114.745 triệu VND (1/1/2021: 48.659 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm và cuối năm	500.000.000	750.636.190	229.000.000	1.479.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	578.211.947	229.000.000	807.211.947
Khấu hao trong năm	-	36.363.636	-	36.363.636
Số dư cuối năm	-	614.575.583	229.000.000	843.575.583
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	500.000.000	172.424.243	-	672.424.243
Số dư cuối năm	500.000.000	136.060.607	-	636.060.607

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 797 triệu VND (1/1/2021: 735 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

001
CH
ÔN
K
4 PH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	4.778.925.248	5.138.206.292
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	7.186.586.248	7.545.867.292

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	7.388.177.071
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.249.970.779
Khấu hao trong năm	359.281.044
Số dư cuối năm	2.609.251.823
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.138.206.292
Số dư cuối năm	4.778.925.248

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

**Quyền
sử dụng đất
VND**

Số dư đầu năm và cuối năm 2.407.661.000

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	655.011.307	1.681.717.228
Tăng trong năm	58.511.143.070	17.724.074.925
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(55.311.214.306)	(18.568.962.664)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(181.818.182)
Số dư cuối năm	3.854.940.071	655.011.307

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	22.383.779.517	6.180.214.409	12.218.047.231	5.497.266.879	46.279.308.036
Tăng trong năm	6.267.285.752	5.736.473.974	120.100.268	4.495.792.381	16.619.652.375
Phân loại lại	-	(773.808.675)	-	773.808.675	-
Phân bổ trong năm	(12.151.206.802)	(4.955.297.075)	(445.208.232)	(3.457.226.152)	(21.008.938.261)
Thanh lý	(512.223.211)	-	-	-	(512.223.211)
Số dư cuối năm	15.987.635.256	6.187.582.633	11.892.939.267	7.309.641.783	41.377.798.939



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.699.895.974	1.269.459.419
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	2.445.344.517	1.377.135.650
Các nhà cung cấp khác	14.662.523.506	11.218.548.898
	20.807.763.997	13.865.143.967

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn – Trụ sở chính	738.480.340	560.976.915
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.699.895.974	1.269.459.419
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	332.651.036	183.528.400

Khoản phải trả thương mại cho công ty con và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cán trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.870.671.705	202.602.209.125	(73.333.147.750)	(118.634.417.756)	22.505.315.324
Thuế tiêu thụ đặc biệt	92.695.166.564	889.364.824.402	-	(829.520.044.649)	152.539.946.317
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.719.560.088	34.427.181.356	-	(32.962.367.913)	14.184.373.531
Thuế thu nhập cá nhân	2.159.703.531	5.919.117.670	-	(6.624.185.478)	1.454.635.723
Thuế đất	-	2.984.965.567	-	(2.984.965.567)	-
Các loại thuế khác	178.596.278	909.789.125	-	(1.030.036.663)	58.348.740
	119.623.698.166	1.136.208.087.245	(73.333.147.750)	(991.756.018.026)	190.742.619.635

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	11.729.768.213	47.135.279.768
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.008.255.000	1.090.605.000
Phải trả Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn – Chi nhánh Phú Yên, công ty con	4.701.939.575	4.743.935.000
Phải trả ngắn hạn khác	-	5.797.264.475
	17.439.962.788	58.767.084.243

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay	1/1/2021		Biến động trong năm		31/12/2021
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	29.400.000.000	821.906.000.574	(774.306.000.574)	77.000.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	18.455.837.646	-	(18.455.837.646)	-	
	47.855.837.646	821.906.000.574	(792.761.838.220)	77.000.000.000	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	3,7% - 4,0%	77.000.000.000	-
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên (ii)	VND	0,5%	-	18.400.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (iii)	VND	6,0%	-	11.000.000.000
			77.000.000.000	29.400.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”) – Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng là 90.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Agribank tại ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 90.713 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: Không) (Thuyết minh 11) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 của khoản vay từ Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên, công ty liên kết, không có đảm bảo. Trong năm, khoản vay này đã được hoàn trả đầy đủ bằng cách cân trừ với khoản đầu tư tại công ty liên kết này.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Bình Định có hạn mức tín dụng là 25.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó. Khoản vay này không có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty có một hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) – Chi nhánh Đắk Lắk với hạn mức tín dụng là 70.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của BIDV tại ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 24.032 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 27.075 triệu VND) (Thuyết minh 11) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó. Khoản vay này không có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	8,6%	2021	-	8.812.500.000
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	8,6%	2021	-	9.643.337.646
					18.455.837.646
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					- (18.455.837.646)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 của khoản vay dài hạn từ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 21.584 triệu VND theo hợp đồng thế chấp số 261017/MQK/HDTB và 261017/MQK/HDTS ngày 26 tháng 10 năm 2017 (Thuyết minh 11). Các khoản vay này đã được hoàn trả đầy đủ trong năm.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	6.527.393.316	2.715.856.787
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22)	19.872.750.000	30.086.790.000
Tăng khác	374.160.000	566.210.000
Sử dụng trong năm	(21.916.872.528)	(26.841.463.471)
Số dư cuối năm	4.857.430.788	6.527.393.316

21. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Dự phòng khác (*) VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	9.898.373.288	8.415.301.101	18.313.674.389
Dự phòng trích lập trong năm	472.305.538	-	472.305.538
Dự phòng sử dụng trong năm	(31.947.621)	-	(31.947.621)
Số dư cuối năm	10.338.731.205	8.415.301.101	18.754.032.306

- (*) Dự phòng khác phản ánh dự phòng cho phạt chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt từ năm 2011 đến 2012 theo Công văn số 3973/VPCP-KTTH ngày 2 tháng 6 năm 2014.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	298.466.480.000	12.234.693	64.457.934.536	109.073.807.064	472.010.456.293
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	130.877.649.328	130.877.649.328
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 25)	-	-	10.352.160.033	(10.352.160.033)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(30.086.790.000)	(30.086.790.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(1.035.216.003)	(1.035.216.003)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(104.463.268.000)	(104.463.268.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	298.466.480.000	12.234.693	74.810.094.569	94.014.022.356	467.302.831.618
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	179.505.724.229	179.505.724.229
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 25)	-	-	7.761.507.256	(7.761.507.256)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(19.872.750.000)	(19.872.750.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(776.150.726)	(776.150.726)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(74.616.620.000)	(74.616.620.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	298.466.480.000	12.234.693	82.571.601.825	170.492.718.603	551.543.035.121

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 12 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020, trong đó 104.463 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020 (2020: quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND, tương đương 3.500 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019, trong đó 104.463 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2019).

Tại cuộc họp ngày 27 tháng 10 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 74.617 triệu VND (tương đương 2.500 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021.

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-DHCD ngày 12 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định trích 7.762 triệu VND vào quỹ đầu tư phát triển của Công ty từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 (2020: 10.352 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Thuê	Thời hạn thuê	Thông báo giá thuê ổn định đến	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lô đất 1	31-12-2056	31-12-2025	2.971.824.811	3.714.781.014
Lô đất 2	31-1-2058	30-1-2023	2.036.990.592	3.917.289.600
Lô đất 3	31-12-2048	31-12-2022	421.767.772	579.681.347
Lô đất 4	31-12-2048	31-12-2022	166.571.181	231.977.137
Lô đất 5	31-12-2048	31-12-2022	902.473.541	1.256.839.432
Lô đất 6	31-12-2048	31-12-2022	244.094.304	332.515.246
Lô đất 7	10-10-2036	31-5-2026	507.554.500	45.538.943
Lô đất 8	10-10-2036	9-10-2026	896.860.800	70.804.800
Lô đất 9	10-10-2036	5-3-2025	920.317.440	1.210.944.000
Lô đất 10	10-10-2036	31-5-2026	3.646.431.800	353.603.811
Lô đất 11	10-10-2036	31-5-2026	1.167.119.360	113.171.040
			13.882.006.100	11.827.146.370

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	33.051	748.270.488	94	2.268.398
EUR	545	13.832.791	572	14.852.046
		762.103.279		17.120.444

(c) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2021	1/1/2021
		Số lượng	Số lượng
Bia Lowen 330	Két	1.112	115
Bia Sài Gòn 355	Két	-	290

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.076.345.737.818	1.116.102.460.669
▪ Cung cấp dịch vụ	28.491.668.076	25.278.627.261
▪ Doanh thu khác	21.334.611.709	18.018.511.695
	<hr/> 1.126.172.017.603	<hr/> 1.159.399.599.625
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	22.775.700	-
	<hr/> 1.126.149.241.903	<hr/> 1.159.399.599.625

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	858.180.822.085	903.353.036.350
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	7.890.217.856	6.295.890.581
▪ (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(80.601.957)	642.958.526
▪ Giá vốn khác	6.346.962.516	4.904.633.301
	<hr/> 872.337.400.500	<hr/> 915.196.518.758

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021	2020
	VND	VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	44.078.142.117	180.769.500
Lãi tiền gửi	8.329.902.260	3.300.897.359
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.896.801	2.095.025
Doanh thu hoạt động tài chính khác	107.078.677	-
	52.519.019.855	3.483.761.884

30. Chi phí bán hàng

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.454.655.194	3.566.532.728
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	122.805.166	373.367.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.223.635.004	19.236.891.655
Chi phí bán hàng khác	2.420.160.453	2.129.611.486
	28.221.255.817	25.306.403.240

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	32.191.483.119	29.603.980.073
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.914.631.089	4.241.882.826
Chi phí thuê	3.967.863.547	4.991.799.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.221.081.457	2.849.944.051
Chi phí quản lý khác	20.499.939.729	19.790.867.143
	63.794.998.941	61.478.473.126

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	661.959.235.262	683.943.100.775
Chi phí nhân công và nhân viên	102.857.102.945	94.800.344.605
Chi phí khấu hao và phân bổ	69.969.420.968	78.924.014.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.540.943.540	75.522.830.780
Chi phí khác	44.381.110.650	43.674.341.622

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	34.149.139.809	32.987.473.150
Dự phòng thiếu trong những năm trước	278.041.547	10.343.333
	34.427.181.356	32.997.816.483
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(12.563.964)	(70.968.065)
	34.414.617.392	32.926.848.418

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	213.920.341.621	163.804.497.746
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	42.784.068.324	32.760.899.550
Chi phí không được khấu trừ thuế	168.135.944	191.759.435
Thu nhập không bị tính thuế	(8.815.628.423)	(36.153.900)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	278.041.547	10.343.333
	34.414.617.392	32.926.848.418

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và các Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác trong báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ		
Bia Quy Nhơn – Trụ sở chính		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	336.976.957.711	340.289.522.378
Bán phụ tùng thay thế	854.802.611	782.445.645
Giao dịch khác	78.020.219	485.015.995
Mua công cụ và dụng cụ	-	15.211.263.560
Mua dịch vụ	7.072.427.972	5.897.041.241
Lợi nhuận được chia đã nhận	24.352.495.783	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ		
Bia Quy Nhơn – Chi nhánh Phú Yên		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	50.292.567.168	61.115.819.491
Bán công cụ và dụng cụ	-	8.284.656.318
Cung cấp dịch vụ	10.735.664.598	10.551.996.888
Giao dịch khác	1.603.632.216	1.951.304.876



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021	2020
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên		
Mua công cụ và dụng cụ	3.493.250.000	9.715.970.000
Cổ tức đã nhận	180.769.500	180.769.500
Chi phí lãi vay	49.654.742	91.748.000
Thu hồi khoản đầu tư	18.430.660.000	-
Hoàn trả khoản vay	18.400.000.000	-
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	657.459.340.940	691.556.641.799
Giao dịch bán khác	910.405.157	911.361.500
Mua nguyên vật liệu	377.109.233.341	375.408.156.311
Cổ tức đã trả	57.704.178.000	33.660.770.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán công cụ và dụng cụ	1.791.600.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua công cụ và dụng cụ	-	1.879.137.200
Phí sử dụng vỏ chai	534.485.158	720.780.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Cung cấp dịch vụ	890.324.369	714.502.443
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch	130.000.000	180.000.000
Ông Huỳnh Văn Dũng – Thành viên	91.000.000	126.000.000
Bà Nguyễn Thị Phước – Thành viên	91.000.000	126.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thành viên	91.000.000	126.000.000
Ông Phạm Văn Phong – Thành viên	91.000.000	126.000.000
Thành viên Ban Điều hành		
<i>Lương cơ bản</i>		
Ông Huỳnh Văn Dũng – Tổng Giám đốc	701.244.444	685.173.000
Ông Võ Thành Điền – Phó Tổng Giám đốc	466.479.996	455.786.000
Ông Vũ Tuấn Anh – Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	466.479.996	455.786.000

31120
 CHINH
 ĐNG
 KP
 Y PHỒ

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Thành viên Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Văn Dũng – Trưởng Ban	260.000.000	260.000.000
Ông Trịnh Văn Thảo – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Ông Bùi Quang Đáng – Thành viên	52.000.000	52.000.000

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và tài chính

	2021 VND	2020 VND
Thu hồi khoản đầu tư vào công ty liên kết thông qua cấn trừ với khoản vay ngắn hạn	18.400.000.000	-

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 18 tháng 2 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc



